

KHÁI NIỆM ĐẠO ĐỨC HỌC SỰ NGHIỆP THẠNH VÀ SỰ PHÁT TRIỂN TƯ TƯỞNG ĐẠO ĐỨC

Tomonobu Imamichi*

Người dịch: Nguyễn Thị Lan Hương

SỰ PHÁT TRIỂN QUAN NIỆM VỀ PHẨM HẠNH

Sự biến đổi về mặt ngữ nghĩa

Lịch sử triết học đạo đức là lịch sử phát triển quan niệm về phẩm hạnh qua một loạt những thay đổi đầy kịch tính. "Phẩm hạnh" (virtue) bắt nguồn từ tiếng La tinh "virtus" có nghĩa là "khoẻ mạnh" (to be strong). Nó gợi đến trạng thái lý tưởng của người đàn ông có sức mạnh thể chất chiến đấu chống lại những kẻ dã man bảo vệ gia đình và cộng đồng của mình. Nghĩa ban đầu của từ này không phải nhằm biểu đạt một phẩm chất đạo đức không phân biệt giới tính hay phẩm hạnh người nói chung¹.

* Đại học Aichi, Nhật Bản.

¹ Nguyên văn "This original sense of the word did not express a transsexual moral quality or general human virtue". Nghĩa của từ "transsexual" ở đây hàm ý "không phân biệt giới tính" (without distinction of sex).

Chú thích: Bản tiếng Anh của bài dẫn luận này được GS. George Mc Lean dịch từ nguyên bản tiếng Pháp phát hành năm 1982 nhân dịp Hội nghị chuyên đề về Đạo đức sinh thái lần đầu tiên do quỹ Taniguchi tài trợ tại Biwako, Nhật Bản.

Mặc dù được viết đã lâu và chúng ta cũng đã đạt được nhiều thành tựu rất bền vững nhờ sự hợp tác liên ngành giữa triết học và các khoa học khác trong việc lý giải những vấn đề khác nhau song tôi cho rằng bài dẫn luận này vẫn còn giữ nguyên ý nghĩa giới thiệu của nó - Tomonobu Imamichi

Tuy nhiên, trong tiến trình phát triển cùng với sự phát triển của văn hoá và sự thay đổi môi trường thì cuộc đấu tranh mang tính thể lực hàng ngày, cuộc đấu tranh mà ở đó đòi hỏi cần phải có vẻ đẹp thể chất của người đàn ông và thậm chí cả sức mạnh hoang dã của họ, đã trở nên không còn cần thiết nữa. Vì thế, với ý nghĩa chỉ một trạng thái lý tưởng của con người, ngày nay từ này đã chuyển thành quan niệm không mang ý nghĩa giới tính về phẩm hạnh.

Sự biến đổi về mặt ngữ nghĩa của khái niệm đạo đức trên rất rõ ràng trong từ Hy Lạp *arete*¹, đức hạnh mà trong thời kỳ cổ đại chỉ có nghĩa là phẩm hạnh. Trong thi phẩm của Hô-me (Homer) phẩm hạnh ngầm chỉ sức mạnh quân sự trong chiến trận. Tuy thế, từ thời kỳ của những thi hào bi kịch cổ đại đến các triết gia cổ điển thì ngữ nghĩa của từ *arete* đã thay đổi. Trong thời kỳ nông muội mỗi cá nhân cần có sức mạnh cơ bắp để chiến đấu bảo vệ cộng đồng. Sức mạnh thể chất là quan trọng, nó được ngưỡng mộ, được mong mỏi, khát khao như là một lý tưởng; lúc đó sức mạnh thể chất chính là một phẩm hạnh đạo đức. Tuy nhiên, đến thời kỳ Socrate, phẩm hạnh không còn mang ý nghĩa chức năng nữa mà đã mang ý nghĩa đạo đức và tinh thần nhiều hơn.

Khái niệm *andreia* là khái niệm trong một thời gian dài chỉ lòng dũng cảm và sự táo bạo cũng là một trường hợp tương tự. Quan niệm này bắt nguồn từ từ *aner* có nghĩa là vẻ đẹp thể chất của người đàn ông và cũng có cùng một nghĩa như từ phẩm hạnh. Trong những tác phẩm mẫu mực của Platon nó không chỉ mang ý nghĩa là sức mạnh trong chiến trận chống lại kẻ thù mà còn mang ý nghĩa là lòng dũng cảm của con người nói chung. *Andreia* với ý nghĩa là sự táo bạo hay gan dạ về mặt tinh thần qua sự sáng tạo của Socrate đã trở thành khái niệm nền tảng của triết học đạo đức.

Trong văn hoá Trung Hoa cũng vậy, người ta nhận thấy hiện tượng tương tự trong quan niệm về sự táo bạo (sự gan dạ hay là sự dũng cảm - bravery or boldness). Trong thời kỳ mông muội khi con người cần sức mạnh thể lực để chiến đấu thì nỗ lực này được coi như là một phẩm hạnh đạo đức. Việc nhấn mạnh vào sức mạnh thể lực của con người được biểu đạt bởi việc thêm ký tự (dũng) vào ký tự tượng hình chỉ người trong tiếng Hán (người đàn ông) mang ý nghĩa sức mạnh đã được phát triển, cho nên từ tiếng Hán (người đàn ông dũng cảm) chỉ sự dũng cảm cũng giống như từ *andreia* hay từ *virtue*. Qua sự sáng tạo của Khổng tử (552-479 trước Công nguyên) quan niệm về vẻ đẹp thể chất của người đàn ông đã được làm sâu sắc hơn về mặt đạo đức, nó chỉ một sức mạnh bên trong tương tự như phẩm hạnh về trách nhiệm là thứ đã xuất hiện trong *Luận ngữ* (đối thoại giữa Khổng tử và học trò của ông) 1.1.14, "khi một người nhận biết được trách

nhiệm của mình nhưng lại không hành động một cách có trách nhiệm thì điều đó có nghĩa là anh ta thiếu lòng *dũng cảm (andreia)*". Dũng cảm theo nghĩa của từ *andreia* hay là đức hạnh ở Khổng tử cũng thay đổi theo cái cách tương tự như trong khái niệm này của Socrate, tức là từ một từ chỉ giống đực trở thành một từ biểu đạt một đức tính không phân biệt giới tính hoặc một đức tính của con người nói chung. Cả hai người, một người sống trong ngôi làng ở nông thôn còn người kia thì sống ở một thành phố có văn hoá, nhưng họ đều là những người rất nhạy cảm với những thay đổi môi trường xã hội của con người và đây chính là động cơ căn bản thúc đẩy những dự án nhằm đổi mới đạo đức của họ.

SỰ PHÁT TRIỂN MANG TÍNH KHÁCH QUAN

Ngoài sự biến đổi về mặt ngữ nghĩa của khái niệm phẩm hạnh thì sự đổi mới mang tính xã hội học của khái niệm này cũng diễn ra trên bình diện hiện tượng luận. Chẳng hạn sự trung nghĩa với tính cách là lòng trung thành của thần dân đối với đức vua hay của thị dân đối với thành phố của họ tuy khác nhau về mục đích nhưng lại hoàn toàn đồng nhất về bản chất đạo đức trên phương diện là lòng trung thành. Sự biến đổi về mục đích của lòng trung thành này đã cấu thành nên một khám phá mới về phẩm hạnh. Cicero thời xưa cũng như Mencius trong những tác phẩm cổ điển của Trung Hoa có lẽ là những người đầu tiên đã lý giải khái niệm phẩm hạnh của công dân trên một dạng thức mới đó là lòng trung thành.

Hai kiểu biến đổi trên đây về phẩm hạnh, một là phẩm hạnh biến đổi từ một từ hàm ý sức mạnh thể chất sang một từ hàm ý sức mạnh tinh thần và một là lòng trung thành của thần dân đối với nhà vua hay sự quan tâm của thị dân đối với thành phố, thì không hề đồng nhất với nhau. Cái thứ nhất là sự phổ cập ý nghĩa đạo đức về mặt ngữ nghĩa, trong khi đó cái thứ hai lại là sự quan tâm cụ thể đến mục tiêu của một phẩm hạnh nền tảng. Trong cả hai trường hợp sự đổi mới khái niệm phẩm hạnh đều được tiến hành bởi những nhà triết học nhạy cảm với những thay đổi đạo đức; việc làm sáng tỏ về mặt lý thuyết những thay đổi như vậy luôn là một trong những nhiệm vụ của các nhà triết học.

Những cuộc khủng hoảng đạo đức luôn báo hiệu sự nảy sinh những vấn đề có tính phê phán trong lịch sử nhân loại. Trong kỷ nguyên của chúng ta, môi trường không chỉ được cấu thành độc nhất về mặt địa lý hay văn hoá mà còn được cấu thành bởi một nền công nghệ học khoa học phổ biến; môi trường này hướng đến sự phát triển một thứ triết học đạo đức xa hơn, thứ triết học mà đối với nó thì hai nhân tố, sự biến đổi về mặt ngữ nghĩa và sự cải biến mang tính khách quan đã được đề cập ở trên, dường như là chưa đáp ứng được. Một xã hội công nghệ thì quá khác với những đòi hỏi của quá khứ đến mức mà chúng ta buộc phải chỉ ra rằng đã xuất hiện một sự đổi mới căn bản về phẩm hạnh hoàn toàn chưa được biết đến trong quá khứ.

Sự đổi mới đạo đức với ý nghĩa là sự khám phá ra phẩm hạnh mới

Lịch sử nhân loại bao gồm không chỉ

một sự đổi mới với ý nghĩa là sự biến đổi về ngữ nghĩa hay sự cải biến khách quan mà còn là việc phát kiến ra khái niệm phẩm hạnh căn bản mới hoàn toàn chưa được biết tới trong quá khứ. Một ví dụ về phẩm hạnh đưa ra ở đây là *tapeinophrosyne*^{*} (tạm hiểu là sự khiêm nhường, nhẫn nhịn - ND), là phẩm hạnh mà trong nguyên văn chữ nghĩa từ này chỉ thái độ của kẻ ăn xin hay những thầy tu hành khát, ấy là sự khiêm tốn, nhún nhường, nhẫn nhịn. Từ đang được bàn đến ở đây không được tìm thấy trong tiếng Hy Lạp cổ mà thực ra nó được dùng bởi một người theo đạo Cơ đốc vào nửa sau thế kỷ thứ nhất, dường như nó xuất hiện lần đầu tiên trong *Didache*^{*} và trong bức thư gửi những người theo đạo Cơ đốc ở *Eph*^{**}. Không còn nghi ngờ gì nữa, phẩm hạnh về sự nhẫn nhịn này hoàn toàn chưa được biết đến ở phương Tây cổ điển, nó được tìm thấy trong lời giáo huấn của Ki-tô (Christ): “Với sự nhún nhường hoàn hảo... ta sẽ có được tình yêu đối với kẻ khác” (Eph 4.2).

Thầy tu hành khát với tư cách là biểu tượng của phẩm hạnh là một phát kiến của Ki-tô. Một thầy tu hành khát nghèo thực sự phải là người gơ bàn tay mình ra để nhận của bố thí và phải

* *Didache* được cho là bài giảng của 12 tông đồ, có lẽ được viết tại Ai-cập hoặc Xi-ri vào thế kỷ thứ II. *Didache* đề cập đến luân lý và đạo đức, hy vọng về ngày tận thế và lần giảng thế thứ 2 của chúa Giê-su cuối thời kỳ này.(ND).

** *Eph* là một địa danh trên bờ biển Tiểu Á. Còn bức thư ở đây là “Bức thư gửi các sứ đồ” trong kinh Tân ước được cho là của Thánh Paul gửi những người Cơ đốc ở Eph.(ND)

bằng lòng với bất cứ cái gì mà người ta đem cho, tương tự như vậy, một người mà trái tim họ đáng thương, hèn mọn giống như một kẻ ăn mày thì phải gơ tay ra trước Chúa Trời (God) và phải bằng lòng với bất cứ điều gì mà định mệnh khắc nghiệt giáng xuống. Với một người như thế thì không còn sự bất mãn, không còn nỗi đau buồn hay sự không hài lòng nữa. Với ý nghĩa là sự hạn chế những nhu cầu cá nhân, đức tính khiêm nhường, nhẫn nhịn vẫn chưa được các nhà triết học phương Tây cổ điển biết đến. Còn Socrate thực sự đã cảm nhận được điều này tại ngôi nhà của ông bên chiếc bàn Plytaneion; theo Aristotle thì từ *megalopsychia* (tạm dịch: chứng hoang tưởng tâm lý) với ý nghĩa là sự tự cao, tự đại, và là phần dề của từ *tapeinophrosyne*, còn sự tự tôn (pride of self-love) là phẩm hạnh của thị dân. Vì thế ít nhất trong lịch sử của mình, con người cũng đã một lần khám phá ra một phẩm hạnh mới, phẩm hạnh mà đã trở nên mâu thuẫn với hệ giá trị ban đầu; tính nhẫn nhịn được hiểu là *tapeinophrosyne* đã trở thành biểu tượng cho khả năng khám phá đạo đức. Kiểu đối mới đạo đức thứ ba này, thực chất là sự khám phá đầy sáng tạo ra phẩm hạnh đạo đức cũng chính là nhiệm vụ đạo đức của chúng ta trong giai đoạn khó khăn hiện nay.

Nhưng liệu có thể phát minh được một phẩm hạnh mới trong xã hội hiện đại không ngừng phát triển như hiện nay hay không? Điều này có thể được khẳng định bằng sự kiện phát minh ra phẩm hạnh trách nhiệm trong thời hiện đại – về thực chất đó là việc sử dụng từ mới trong văn cảnh những lý thuyết

tương tác xã hội thế kỷ 18. Như tôi đã trình bày trong *"Betrachtungen uber das Eine"* (1968) (tạm dịch: "Suy ngẫm về con người") và trong *"Studia Comparata de aesthetica"* (1976) (tạm dịch: "Nghiên cứu so sánh về Thẩm mỹ học"), thuật ngữ trách nhiệm không được tìm thấy trong ngôn ngữ Hy Lạp hay La Tinh cổ cũng như trong bất kỳ ngôn ngữ nào của thời kỳ Trung cổ; tuy vậy, dường như nó xuất hiện lần đầu tiên trong tiếng Pháp với ý nghĩa là từ *responsabilite'* (trách nhiệm) năm 1787 cùng thời với từ "responsibility" (trách nhiệm) trong tiếng Anh. Tuy nhiên, nội dung của nó không phải luôn luôn chính xác. Chẳng hạn như ở John Stuart Mill, từ trách nhiệm có nghĩa là sự biện hộ, sự bào chữa cho bản thân một người nào đó. Trong tiếng Đức thuật ngữ tương ứng, *Verantwortlichkeit* (trách nhiệm), lại xuất hiện lần đầu tiên vào cuối thế kỷ thứ 19. Như vậy thì, với tư cách là một thuật ngữ nền tảng về một xã hội có kế hoạch, phẩm hạnh trách nhiệm là sản phẩm chỉ của thời hiện đại.

Sự phát minh ra phẩm hạnh mới trong thời kỳ hiện đại có thể được đưa vào sau đó, và lịch sử của những suy tư triết học trong đạo đức chính là lịch sử của ba kiểu đối mới về phẩm hạnh đã nêu trên: (1) sự biến đổi ngữ nghĩa phẩm hạnh truyền thống, (2) sự cải biến khách quan phẩm hạnh truyền thống, và (3) sự phát minh ra phẩm hạnh mới.

Tam đoạn luận ứng dụng: sự biến đổi ngữ nghĩa phẩm hạnh truyền thống

Để phản ứng lại những cuộc khủng hoảng đạo đức ngày nay thì điều cần thiết là phải xây dựng được một nền đạo

dức phù hợp với xã hội công nghệ của chúng ta. Đây không phải là sự thoả hiệp xã hội học với công nghệ hay sự thích nghi về mặt tâm lý với hiện trạng xã hội hiện đại mà là việc mở rộng phạm vi đạo đức nhân loại. Một sự thoả hiệp mang tính xã hội học hay thích nghi về mặt tâm lý thì vẫn chỉ dừng ở trình độ động vật, đạo đức với ý nghĩa là đạo đức của nhân loại phải là sự tự kiến lập của tinh thần con người với tư cách là ý thức của con người về nghĩa vụ của mình trước những song đề đạo đức của xã hội công nghệ. Chúng ta sẽ phải cân nhắc tới việc xây dựng nền đạo đức này trong mối liên hệ với ba kiểu đối mới phẩm hạnh đã nêu trên.

Ở đây điều cần thiết là phải phân biệt được hành động (act) so với hoạt động (action): Hoạt động là sự chuyển dịch về mặt vật lý của một người mà không quan tâm đến động cơ bên trong của người đó; còn hành động là hoạt động được quyết định bởi bản thân người đó xuất phát từ động cơ bên trong. Ví dụ: A chạy về phía nhà ga với tốc độ 13 giây trên 100 mét; B và C cũng chạy về phía nhà ga đó với tốc độ 13 giây trên 100 mét. Vì thế hoạt động của A, B, C là như nhau. Tuy nhiên, A cảm nhận mình là kẻ đang trốn chạy, B đuổi theo A để bắt giữ anh ta và C chạy theo để ngăn cản B. Trong tình huống này mặc dù các hoạt động diễn ra song song, nhưng hành động của người này thì hoàn toàn khác với người kia ở chỗ: A là kẻ kháng cự lại chế độ quân phiệt, B là kẻ tuân theo mệnh lệnh của chế độ trong khi đó C ủng hộ A. Mặc dù có sự đồng nhất giữa các hoạt động trên theo nghĩa là những chuyển động vật lý,

nhưng những hành động với tư cách là những quyết định cá nhân và là những suy nghĩ thực tế bên trong của mỗi người thì hoàn toàn khác nhau giữa người này và người kia. Tuy vậy, dù về mặt lý thuyết hay thực tiễn, dù có ý thức hay không có ý thức thì tư tưởng của con người phải được cấu trúc một cách lô gíc, bởi vì, một hành động không thể chỉ là sự phản ứng đơn thuần không có suy nghĩ.

Do chỗ cấu trúc tư tưởng của con người là một tam đoạn luận, nên hẳn phải tồn tại một tam đoạn luận ứng dụng tương ứng với tư tưởng quyết định trên thực tế. Công thức kinh điển của tam đoạn luận ứng dụng này được tìm thấy trong tác phẩm *Nichomachean Ethics* của Aristotle như sau:

(A) A là cái mong muốn

Nhưng p, q, r và s nhận thấy A là cái mong muốn.

Bởi vậy, vì một lý do nào đó, tôi chọn p như là phương tiện để đạt được cái mong muốn là A.

Trong tam đoạn luận ứng dụng trên tiền đề nhỏ là việc nhận thức về sự tự do lựa chọn, đối tượng của sự nhận thức đó cũng là phương tiện để đạt được mục tiêu; vì thế mục tiêu với tư cách là tư tưởng thì có trước việc lựa chọn một phương tiện hiệu quả. Chính sự ưu tiên mục tiêu hay là sự định hướng mục tiêu đã tạo ra những tiến bộ công nghệ nhanh chóng cho những phương tiện này. Tuy nhiên, ngày nay hiệu quả của các phương tiện này đã đạt được sự nhảy vọt về chất khi thế giới công nghệ chuyển từ việc sử dụng những công cụ được điều khiển từ bên ngoài sang sử dụng công nghệ tự động. Giờ đây, quyền

năng khoác cái về ưu tiên tuyệt đối bao hàm cả mục tiêu, còn phương tiện thì bao hàm cả mục đích, cho nên trong phạm vi hành động của con người tam đoạn luận cổ điển trở nên không chắc chắn. Quyền năng dưới dạng năng lượng của hệ thống, năng lượng nguyên tử và năng lượng điện trường hay thậm chí là tư bản trong một trật tự kinh tế nhất định đã đảo ngược trật tự của những tiền đề trong tam đoạn luận ứng dụng theo cách như sau:

(B) Chúng ta có phương tiện P

Nhưng, P có thể nhận thấy a, b, c và d là những mục tiêu

Vì vậy, vì một lý do nào đó, chúng ta chọn a với tư cách là mục tiêu của những phương tiện đã có.

Tiền đề nhỏ ở đây vẫn chỉ là việc nhận thức sự tự do lựa chọn của chúng ta, tuy vậy, đối tượng của nó không phải là phương tiện mà là mục tiêu đã được nhận biết. Hơn thế, mục tiêu đang được bàn ở đây không phải là ý niệm tiên nghiệm – một mục tiêu mà tự thân tinh thần của con người mong muốn – mà chỉ là kết quả tất nhiên của quyền năng công nghệ. Do đó phương tiện điều khiển mục đích bằng cách xác định xem mục đích nào sẽ được nhận biết. Quyền năng công nghệ với tư cách là phương tiện thì đã nắm giữ sự ưu tiên cái mục tiêu mà sẽ trở thành một trong những kết quả của nó. Mặc dù tư tưởng của con người lựa chọn một trong những kết quả của quyền năng công nghệ đó thì sự lựa chọn này cũng không còn phản ánh cái mong muốn tự thân nữa.

Việc điều khiển bằng quyền năng công nghệ như thế sẽ ảnh hưởng đến những vấn đề của đạo đức hiện đại.

Trước hết, có một sự thay đổi về chủ từ ngữ pháp giữa tam đoạn luận ứng dụng của aristotle và chủ từ ngữ pháp của kỹ nguyên công nghệ, chủ từ "tôi" (I) của Aristotle đã chuyển thành từ "chúng ta" (We). Sự thay đổi này phản ánh sự biến đổi từ đạo đức của cá nhân trước đây thành đạo đức của một nhóm đại diện. Trong xã hội công nghệ của chúng ta vẫn sẽ tồn tại một chiều cạnh đạo đức mà ở đó tam đoạn luận ứng dụng của Aristotle về cá nhân là cần thiết, nhưng ở trình độ tương tác phổ biến hiện nay thì cá nhân chỉ là một phần nhỏ trong toàn thể cơ cấu công nghệ to lớn mà phải bằng từ "chúng ta" mới có thể quản lý một cách có hiệu quả.

Vì vậy sự biến đổi ngữ nghĩa của phẩm hạnh trách nhiệm từ trách nhiệm cá nhân đến trách nhiệm của một nhóm đại diện hay trách nhiệm của một khối liên kết đã diễn ra. Trách nhiệm có nền tảng bản thể luận trong cá nhân sẽ mang tính cá nhân nhưng trong bối cảnh tương tác công nghệ thì những quyết định thuộc về trách nhiệm phải được đưa ra bởi các nhóm đại diện, bởi vì quyền năng công nghệ đã trở thành một thứ hàng hoá phổ biến. Chính vì thế đã xuất hiện nhu cầu cần phải xây dựng nền đạo đức của một khối đoàn kết hay nền đạo đức của một nhóm đại diện đối với phẩm hạnh trách nhiệm. Chẳng hạn, khi một cá nhân rút khỏi nhóm đại diện mà không còn hoạt động tốt nữa, thì anh ta hay cô ta có thể hoàn toàn thanh thản về tâm lý, nhưng một giải pháp như vậy vẫn chỉ dừng ở mức độ trách nhiệm cá nhân. Điều cần thiết là phải khám phá xem làm thế nào để tích hợp được đạo đức cá nhân trong một

thực tại xã hội mới bằng cách cải biến ngữ nghĩa phẩm hạnh trách nhiệm từ trách nhiệm của một cá nhân sang trách nhiệm của một nhóm đại diện hay trách nhiệm của một khối đoàn kết. Đây không phải là vấn đề của xã hội học hay khoa học chính trị mà là vấn đề của đạo đức học sinh thái.

Thông tin và truyền thông với tư cách là sự cải biến khách quan những giá trị

Điểm chủ yếu của tam đoạn luận ứng dụng hiện đại không phải là sự trình bày mục đích mong muốn, mà là việc chấp nhận quyền năng công nghệ với tư cách là phương tiện vĩ đại có thể phục vụ con người với mục đích vì con người hay chống lại con người. Tinh thần con người phải chấp nhận sự thực hiện nhiên là quyền năng công nghệ được coi như một phương tiện hoạt động của tư tưởng con người, điều này có nghĩa là sự phức hợp công nghệ, giờ đây, chính là môi trường của chúng ta. Chẳng hạn, khi tồn tại ở trạng thái tự nhiên biệt lập, có trước hành động đạo đức thì một người chỉ cần những thông tin thông thường và những kiến thức đơn giản về những thứ đại loại như loại nấm nào thì độc và loại nấm nào thì làm thức ăn được, hay những tri thức về sức nước, sức lửa, sức gió v.v. Ngày nay môi trường hiện đại của chúng ta không còn là giới tự nhiên tồn tại biệt lập nữa mà là một môi trường tương tác công nghệ, mặc dù vậy, chúng ta vẫn phải thu được đủ một lượng thông tin tối thiểu để có thể giải thích được ý nghĩa của môi trường đó, ví dụ như, những tri thức cơ bản về điện lực, về hoá sinh học, về công nghệ sinh học và vật lý nguyên tử. Khi các khoa

học vẫn tách biệt trong lãnh địa riêng của mình thì việc có được những thông tin này quả là không dễ dàng, nhưng đào tạo khoa học cũng không nên chỉ hướng vào việc đào tạo ra những chuyên gia cho tương lai. Mỗi người tối thiểu cần phải có những thông tin khoa học cơ bản của những lĩnh vực đã nêu trên về môi trường mà chúng ta đang sống, bởi vì thực sự thì nghiên cứu các tác phẩm văn học Hy-La kinh điển là cần thiết đối với văn hoá, còn nghiên cứu công nghệ và thông tin khoa học cũng là cần thiết đối với nền văn minh hiện đại. Tương tự như vậy, việc trang bị cho mình những thông tin cơ bản và lý giải được lịch sử dân tộc là bổn phận và vì thế là phẩm hạnh xã hội của một công dân có văn hoá, ngày nay đối với một người không chuyên việc trang bị cho mình những tri thức công nghệ thông thường cũng là một trách nhiệm và vì thế nó cũng được xem là một phẩm hạnh xã hội.

Trèo cây hay bơi là những môn thể thao liên quan ít nhiều đến sự rèn luyện; mặc dù không mang tính đạo đức rõ rệt nhưng chúng khiến cho một người có thể giúp đỡ được một người đang bị chết chìm hay một người đang muốn hái quả: thể lực và khả năng rèn luyện giúp ích cho đạo đức theo cái nghĩa là làm cho nó trở nên thiết thực. Điều này rất gần gũi với phẩm hạnh đạo đức hoặc ít nhất nó cũng được chuyển đổi thành phẩm hạnh đạo đức. Cũng tương tự như vậy, trong xã hội công nghệ việc lái xe hơi, chèo thuyền hay sử dụng máy điện toán có thể được coi là những môn cơ học rèn luyện bởi vì chúng tạo điều kiện cho một người có thể giúp đỡ được nhiều người. Kết quả là, nắm được ít nhất một

công nghệ máy móc trong thời hiện đại đã là có một phẩm hạnh đạo đức rồi.

Thông tin đòi hỏi một sự giao tiếp, sự giao tiếp mà trong từng lĩnh vực cụ thể đòi hỏi phải rút gọn về mặt từ nguyên và vì thế dẫn đến việc phải sử dụng biệt ngữ (từ chuyên môn). Điều này đưa đến tình trạng là các chuyên gia trong các lĩnh vực khác nhau thường không tìm được tiếng nói chung. Đương nhiên các chuyên gia phải sử dụng những thuật ngữ khoa học và công nghệ là những thuật ngữ mà không dễ gì công chúng có thể nắm được. Vì vậy để trao đổi thông tin chính xác giữa các ngành khoa học việc nắm vững từ chuyên môn ở một mức độ nào đó cũng là một phẩm hạnh nghề nghiệp.

Hơn thế nữa, đối với thông tin ngôn ngữ trong một thế giới công nghệ đòi hỏi mỗi công dân phải có một phẩm hạnh trí tuệ mới, đó là phải nắm vững một ngôn ngữ thích hợp. Công nghệ hiện đại đã đạt được những khả năng kỳ diệu trong giao lưu quốc tế đến mức mà với tư cách là một đơn vị công nghệ thống nhất, xã hội ngày nay được đặc trưng bởi tính di động và thông tin, công nghệ hiện đại cấu thành nên không gian giao lưu khổng lồ cho toàn thế giới, một cách ngẫu nhiên hoặc tất yếu. Môi trường công nghệ thống nhất hiện đại là môi trường song ngữ toàn cầu, bởi vậy, để giao tiếp một cách có hiệu quả với người khác mỗi cá nhân cần phải biết ít nhất một ngoại ngữ. Điều này không ngụ ý xem thường khả năng đọc văn bản bằng những ngôn ngữ riêng tinh túy của cộng đồng mà người đó đang sống mà chỉ muốn nhấn mạnh nhu cầu cần phải giao tiếp một cách có hiệu quả trong một thế

giới không ngừng biến đổi ngày nay, điều này có nghĩa là nắm vững một ngoại ngữ cũng là một phẩm hạnh trong giao lưu quốc tế.

Khoan dung: sự cải biến khách quan phẩm hạnh truyền thống

Trở thành trung tâm công nghệ, đô thị hiện đại ngày nay là một trong những cơ sở quan trọng nhất của giao thông quốc tế và những đô thị này đang trở thành nơi gặp gỡ của mọi người thuộc đủ các quốc tịch. Sự gặp gỡ của họ không chỉ mang tính tạm thời, với tư cách là khách du lịch, mà còn mang tính thường trực bởi vì những đô thị này có thể cung cấp các cơ hội nghề nghiệp cho người nước ngoài nhờ ưu thế ngôn ngữ và công nghệ phổ biến mà họ có được bởi đặc trưng lịch sử của họ. Điều này có nghĩa là mỗi cá nhân với tư cách là một mắt xích của nền công nghệ trong một đô thị công nghệ hiện đại có thể được hưởng quyền công dân của thành phố đó. Để đạt được điều này người ta chỉ cần quan tâm đến khả năng thực hiện các công việc kỹ thuật của cá nhân đó chứ không cần quan tâm đến quan điểm văn hoá của họ.

Khoan dung với tính cách là sự rộng lượng về tư tưởng giờ đây đã trở thành điều kiện thứ nhất cho sự cùng tồn tại. Tính khoan dung cổ điển chỉ có nghĩa là sự kiên nhẫn với người đã gây ra những bối rối cho người khác, nhưng trong xã hội công nghệ của chúng ta sự khoan dung nhấn mạnh vào sự rộng lượng, sự rộng lượng mà ở đó bao hàm sự thừa nhận về mặt pháp lý những giá trị tinh thần của người khác và cả những giá trị tín ngưỡng của họ. Trong kỷ nguyên công nghệ sự tương tác nghề nghiệp một

cách rộng rãi đòi hỏi phải có một thái độ trung lập về tư tưởng để có thể cộng tác một cách có hiệu quả và cùng tồn tại về mặt chính trị. Thái độ trung lập của nhà chức trách thì không đồng nhất với sự khoan dung mang ý nghĩa đạo đức; tuy nhiên, trong không gian nghề nghiệp sự trung lập phải được nhấn mạnh và phải bao hàm trong nó cả phẩm hạnh về sự khoan dung mang ý nghĩa đạo đức. Hãy nhớ rằng sự cải biến khách quan phẩm hạnh khoan dung, từ chỗ là sự kiên nhẫn đối với hành động kém cỏi của người khác đến chỗ cho phép tồn tại những loại hoạt động khác nhau chính là sự biến đổi khách quan về phẩm hạnh trong xã hội công nghệ của chúng ta.

Công nghệ tiên tiến hiện đại đang mở rộng ảnh hưởng hiệu năng của máy móc đến mức mà ngay cả những trang thiết bị là đồ dùng hàng ngày cũng được điều khiển từ xa. Khi một công dân của Tokyo nói chuyện qua điện thoại với một người ở Pari mà không gặp phải bất cứ một khó khăn nào thì điều đó có nghĩa là họ đã trở thành những người hàng xóm của nhau về mặt công nghệ. Tuy vậy, tình hữu nghị được thiết lập qua công nghệ này vẫn hoàn toàn khác với những mối quan hệ cổ điển, những mối quan hệ mà ở đó những người hàng xóm gần gũi nhau về không gian, họ nói chuyện mặt đối mặt, họ là hữu hình đối với nhau và bị giới hạn về số lượng. Trong những cấu trúc công nghệ hiện đại một người có thể tương tác với một số lượng người không hạn chế nhưng tất cả đều là vô hình đối với nhau. Do sự ngăn trở về khoảng cách mà một người không trực tiếp nhìn thấy trạng thái vô

định và xa lạ của người đối thoại, và dưới sự che dấu của các thiết bị công nghệ một người có thể không cảm thấy xấu hổ hay bối rối. Vào lúc đêm khuya qua điện thoại người ta có thể dễ dàng hò hẹn với một người khác ở một thành phố xa lạ hơn là đi gõ cửa nhà người hàng xóm của họ. Người ta cũng sẵn sàng phạm tội giết người hàng loạt bằng một trái bom bởi vì việc giết người bằng các phương tiện công nghệ khiến cho một người có thể phớt lờ đi những nạn nhân mà họ đã tấn công. Cho nên một người phải hình dung được sự đau đớn của những người xa lạ, không quen biết với họ ở rất xa xôi kia để có được sự cảm thông với họ, sự cảm thông mà người ta chỉ có thể có được khi đối mặt một cách trực tiếp. Để mang lại nội dung đạo đức cho hoạt động của chúng ta trong những cấu trúc công nghệ này thì điều cần thiết là phải nuôi dưỡng khả năng sáng tạo bằng hoạt động thẩm mỹ trong nghệ thuật là hoạt động mà việc thấu hiểu nó sẽ trở thành một trong những cơ sở của đạo đức học sinh thái trong một nền văn minh công nghệ: Thẩm mỹ học đã trở thành một thứ nguyên tắc cần thiết cho đạo đức học.

Trong bất kỳ tình huống nào nội dung của phẩm hạnh tình yêu đối với những người sống quanh mình phải được bổ sung một cách có hiệu quả bởi những cấu trúc công nghệ hiện có, những cấu trúc này sẽ mở đường cho quan niệm của một người về tình xóm giềng từ chỗ chỉ hạn chế trong phạm vi những người sống quanh họ đến chỗ mở rộng nó sang ranh giới rộng hơn là tính nhân loại, cả bây giờ và cả cho thế hệ mai sau. Đây cũng chính là sự biến đổi

mang tính khách quan của phẩm hạnh.

Sự phát minh ra những phẩm hạnh mới

Trước tiên, trong phạm vi liên quan đến công nghệ, bất cứ một sự chậm trễ nào do những sai sót hay trục trặc trong hoạt động của một cỗ máy đưa lại cũng trở nên quan trọng giống như khi công việc đòi hỏi một sự đúng giờ. Trong quá khứ điều này không bị nhìn nhận dưới khía cạnh đạo đức, mà chỉ bị coi là biểu hiện của một tư duy nông cạn, còn sự hào phóng, với ý nghĩa là đức tính không chú trọng đến những vấn đề nhỏ nhặt, lại là dấu hiệu biểu hiện sự cao quý của một cá nhân. Giờ đây, mặc dù sự hào phóng vẫn là một trong những phẩm hạnh quan trọng nhất, nhưng bên cạnh đó sự đúng giờ cũng trở thành một phẩm hạnh đạo đức mới trong xã hội công nghệ đương đại.

Thứ hai, khi nhận thức công nghệ đã mang tính quốc tế bên cạnh lòng trung thành với tổ quốc thì một cá nhân cũng phải đạt đến tầm cá nhân quốc tế và tình hữu nghị quốc tế sẽ thay thế cho lòng trung thành kiểu phong kiến.

Ba là, yêu cầu hạn chế dân số đã dẫn đến việc phải khống chế tỉ lệ sinh và điều này khiến cho thuyết Man-tuyt trở nên cần thiết, cho nên đã xuất hiện nhiều phương tiện mới phục vụ cho việc giảm sinh. Quan hệ tình dục không nhằm mục tiêu sinh sản trong đời sống hôn nhân trở nên phổ biến đến mức mà mục tiêu chủ yếu của quan hệ tình dục có nguy cơ chỉ nhằm vào sự thoả mãn tình dục chứ không phải để sinh ra một đứa trẻ. Điều này hẳn sẽ làm nảy sinh những tranh luận xung quanh vấn đề giới hạn của quan hệ

tình dục trong hôn nhân, cho nên một nền đạo đức học sinh thái ắt hẳn phải thảo luận vấn đề bản năng giới tính. Lời răn của những tôn giáo truyền thống thường chỉ quan tâm tới hạnh phúc của con người nói chung, thứ hạnh phúc mà ở đó hôn nhân bị xem như là chỉ vì sự sinh con đẻ cái, thì đã bắt đầu đi trệch khỏi quan điểm đạo đức hiện đang đối mặt với cuộc khủng hoảng hiện nay của nhân loại. Cho nên những vấn đề đạo đức sinh thái như trên phải được coi là vì tương lai nhân loại.

Cuối cùng, công nghệ đã biến đổi con người thành một cơ cấu sinh học, cơ cấu mà đối với nó cái chết thực ra đã không còn quan trọng nữa. Liệu có nên buộc một người phải kéo dài cuộc sống của họ bất chấp những e sợ trong lương tâm của họ vì lý do suy giảm sức khoẻ hay không? Và liệu một người có quyền nói rằng có lý do để chết cũng như là có lý do để sống hay không? Chính vì vậy việc chết một cách không đau đớn đã trở thành đề tài của đạo đức hiện đại.

Viễn cảnh nghiên cứu nền đạo đức học sinh thái như vậy hẳn phải mang tính liên ngành. Bản thân đạo đức học sinh thái không phải là một nghiên cứu mang tính tập hợp, lượm lặt mà phải là một nghiên cứu được xây dựng và hệ thống hoá bởi mỗi cá nhân tư duy ở tầm triết học. Vì thế đạo đức học sinh thái chính là môn học về con người trong bối cảnh công nghệ mà con người đang sống.

Mở rộng phạm vi nhận thức tư tưởng đạo đức

Chúng tôi đã trích dẫn Luận ngữ của Khổng tử để nhấn mạnh động thái biến đổi căn bản trong quan niệm về

phẩm hạnh và việc sử dụng từ “trách nhiệm”. Tuy vậy, đó là sự giải thích đã được hiện đại hoá về một tác phẩm của Trung Quốc cổ, bởi vì từ “trách nhiệm” có khởi nguồn từ truyền thống hiện đại của châu Âu. Điều này cho thấy cần phải mở rộng phạm vi nhận thức về mặt triết học và lịch sử để tư duy không phải ở trình độ địa phương mà ở trình độ nhân loại.

Ở phương Đông nơi xã hội có truyền thống không đề cao cá nhân mà đề cao những mối quan hệ liên cá nhân thì quan niệm về phẩm hạnh mang tính truyền thống lại khác với quan niệm của phương Tây. Trong hệ thống luân lý Khổng giáo, sự khoan dung và trách nhiệm là những phẩm hạnh quan trọng nhất. Từ trong tiếng Hán mà ta gán cho nó ý nghĩa của từ “trách nhiệm”, (*Yi*) trong tiếng Hán, là một từ mà về thành ngữ ngữ pháp có nghĩa là tình trạng mà ở đó tôi mang trên vai mình con cừu hiến sinh. Điều này có nghĩa là, tôi phải chịu trách nhiệm hoàn toàn trước Thượng Đế (God) và trước các thành viên của cộng đồng. Từ (*Yi*) biểu đạt trách nhiệm với tính cách là sự tương xứng trên cả hai phương diện trên, giống như ví dụ giữa ý nghĩa và từ mang ý nghĩa đó.

Sự phản ánh mở rộng này của phẩm hạnh trách nhiệm đã dạy chúng ta rằng những đổi mới của khái niệm phẩm hạnh trong phạm vi truyền thống triết học có lẽ không mới nếu xét trong bối cảnh văn hoá rộng lớn của toàn nhân loại. Để đổi mới phẩm hạnh đạo đức phải cần đến một sự tiến bộ về mặt tinh thần, vì vậy một nghiên cứu

so sánh ở tầm triết học là rất quan trọng. Đây chính là một phương diện của đạo đức sinh thái với tư cách là sự mở rộng môi trường người vào trong thế giới công nghệ đã được khái quát hoá, còn đời sống xã hội sẽ đi đến chỗ phụ thuộc vào thông tin toàn cầu. Sự thay đổi môi trường người này đòi hỏi một sự giao tiếp quốc tế giữa các nền văn minh khác nhau và vì vậy tri thức đạo đức về những nền văn minh khác không chỉ đơn thuần là biết lắng nghe người khác mà còn phải là giao lưu được với họ.

Cuối cùng, đổi mới đạo đức không chỉ bị giới hạn trong phạm vi phẩm hạnh mà phải mở rộng đến tầm bản thể luận của hành vi con người. Thiếu những khái niệm về cá nhân và nhân cách thì một người không thể luận giải trên bình diện triết học một cách xác đáng về tự do và trách nhiệm. Theo nghĩa này đạo Cơ đốc đã cống hiến cho nhân loại một sự đổi mới đạo đức rất to lớn. Ở phương Đông nơi mà truyền thống Cơ đốc không thực sự bám rễ thì khái niệm trách nhiệm vẫn không ảnh hưởng đến quan niệm về cá nhân. Cuối thế kỷ 17, Vương Dương Minh đã đưa ra quan niệm *Rientse*, coi lương tâm là chủ thể nhận thức (*Gewissen*); quan niệm này có lẽ gần với quan niệm về cá nhân. Tuy vậy ở phương Đông, một quan niệm mang tính bản thể luận về cá nhân vẫn không tách khỏi quan niệm lịch sử về nhân cách, quan niệm mang tính bản thể luận về phẩm giá của cá nhân vẫn còn bị nhầm lẫn với danh dự cá nhân với tư cách là sự quan tâm mang tính lịch sử.